

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

PHẦN MỀM KHAI BÁO HẢI QUAN

Mã dự án	CCS4EO_VNACCS
Mã tài liệu	CCS4EO_VNACCS_UM
Phiên bản tài liệu	v1.1

Hà Nội, 2022

BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI TÀI LIỆU

Ngày thay đổi	Lý do	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN TÀI LIỆU	4
I.1. Mục đích tài liệu	4
I.2. Phạm vi tài liệu	4
I.3. Tài liệu liên quan.....	4
I.4. Thuật ngữ và các từ viết tắt.....	4
II. NỘI DUNG.....	5
II.1. Giới thiệu chung	5
II.1.1. Tổng quan chương trình/phân hệ/module	5
II.1.2. Các nội dung khác.....	5
II.2. Giới thiệu các chức năng	5
II.2.1. Các chức năng trong phân hệ hệ thống.....	5
II.2.2. Các chức năng trong phân hệ tờ khai nhập.....	6
II.2.3. Các chức năng trong phân hệ tờ khai xuất.....	6
II.2.4. Các chức năng trong phân hệ tờ khai sửa STQ.....	6
II.2.5. Các chức năng trong phân hệ tờ khai VCDL	6
II.3. Hướng dẫn sử dụng các chức năng hệ thống.....	7
II.3.1. Hệ thống	7
II.3.2. Tờ khai nhập	16
II.3.3. Tờ khai xuất	108
II.3.4. Tờ khai sửa STQ.....	199
II.3.5. Danh sách tờ khai VCDL.....	222
II.4. Các vấn đề thường gặp phải khi sử dụng	283

I. TỔNG QUAN TÀI LIỆU

I.1. Mục đích tài liệu

Tài liệu này được xây dựng phục vụ cho công việc hướng dẫn sử dụng chi tiết thao tác các chức năng phần mềm.

Nội dung trình bày trong tài liệu ngắn gọn, theo trình tự các chức năng và hướng dẫn thực hiện từng bước một. Vì vậy, người dùng có thể dễ dàng sử dụng chương trình thông qua tài liệu này.

I.2. Phạm vi tài liệu

Tài liệu này áp dụng cho hệ thống khai báo hải quan miễn phí với các chức năng sau đây:

- I. Hệ thống
- II. Tờ khai nhập
- III. Tờ khai xuất
- IV. Tờ khai sửa STQ
- V. Tờ khai VCDL

I.3. Tài liệu liên quan

STT	Tên tài liệu	Mã tài liệu/Nguồn
1		
2		

I.4. Thuật ngữ và các từ viết tắt

STT	Thuật ngữ/chữ viết tắt	Mô tả
1	HQ	Hải quan
2	NK	Nhập khẩu
3	XK	Xuất khẩu
4	NSD	Người sử dụng

II. NỘI DUNG

II.1. Giới thiệu chung

II.1.1. Tổng quan chương trình/phân hệ/module

- I. Hệ thống
- II. Tờ khai nhập
- III. Tờ khai xuất
- IV. Tờ khai sửa STQ
- V. Tờ khai VCDL

II.1.2. Các nội dung khác

II.2. Giới thiệu các chức năng

II.2.1. Các chức năng trong phân hệ hệ thống

STT	Chức năng	Mô tả	Đối tượng sử dụng
1	Đăng ký doanh nghiệp		
2	Quản lý tài khoản khai báo VNACCS		
3	Đăng nhập		
4	Thiết lập thông số khai báo VNACCS		
5	Thông tin doanh nghiệp		
6	Thiết lập chữ ký số		
7	Hỏi thông tin phản hồi		

II.2.2. Các chức năng trong phân hệ tờ khai nhập

STT	Chức năng	Mô tả	Đối tượng sử dụng
1	Danh sách tờ khai nhập khẩu		
2	IDA		
3	IDC		
4	IDD		
5	IDA01		
6	IDE		

II.2.3. Các chức năng trong phân hệ tờ khai xuất

STT	Chức năng	Mô tả	Đối tượng sử dụng
1	Danh sách tờ khai xuất khẩu		
2	EDA		
3	EDC		
4	EDD		
5	EDA01		
6	EDE		

II.2.4. Các chức năng trong phân hệ tờ khai sửa STQ

STT	Chức năng	Mô tả	Đối tượng sử dụng
1	Danh sách tờ khai sửa STQ		
2	AMA		
3	AMC		

II.2.5. Các chức năng trong phân hệ tờ khai VCDL

STT	Chức năng	Mô tả	Đối tượng sử dụng
1	Danh sách tờ khai VCDL		
2	OLA		
3	OLC		
4	COT11		
5	COT		

II.3. Hướng dẫn sử dụng các chức năng hệ thống

II.3.1. Hệ thống

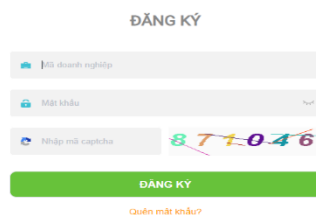
II.3.1.1. Đăng ký doanh nghiệp

- Chức năng này cho phép tạo tài khoản quản trị trong trường hợp doanh nghiệp chưa đăng ký sử dụng phần mềm khai báo
- Điều kiện để đăng ký: doanh nghiệp phải đăng ký tài khoản trên hệ thống đăng ký người sử dụng

Bước 1: Từ màn hình đăng nhập, NSD chọn chức năng **Đăng ký**



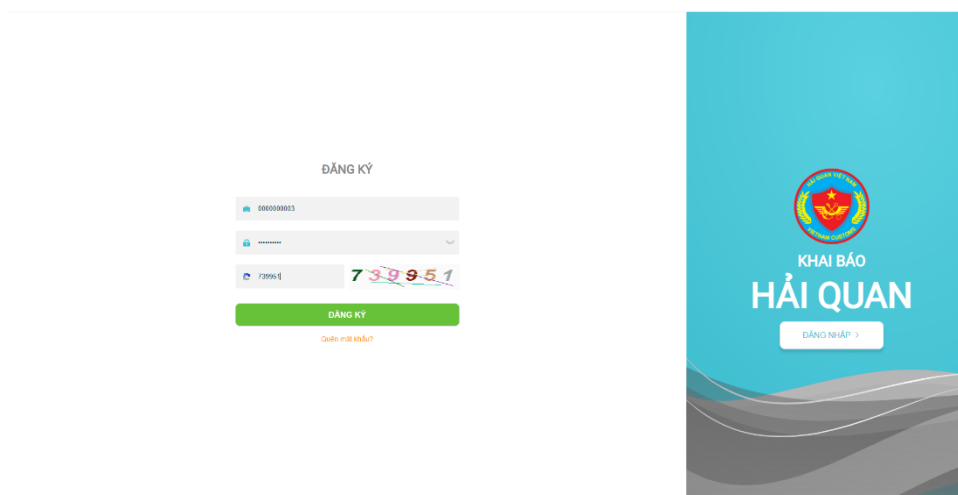
Hiện thị màn hình:



Bước 2: NSD nhập thông tin đăng ký

Mã doanh nghiệp: mã số thuế đăng ký trên hệ thống đăng ký người sử dụng

Mật khẩu: mật khẩu đăng ký trên hệ thống đăng ký người sử dụng



-> Chọn “**Đăng ký**” nếu tài khoản hợp lệ -> đăng ký TK thành công, Hệ thống tạo tài khoản quản trị cho doanh nghiệp và hiển thị màn hình cập nhật thông tin doanh nghiệp

Thông tin doanh nghiệp

CẬP NHẬT THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Mã doanh nghiệp: 000000003 Tên doanh nghiệp: Doanh nghiệp 2

Mã bưu chính: Mã bưu chính 0/7

Địa chỉ: ☒ Tài khoản mặc định khi đăng ký doanh nghiệp 43/500

Điện thoại/Fax: 0912345678 10/11 Email: dn2@gmail.com 13/254

Ngày cấp GPKD: Ngày cấp GPKD Loại hình doanh nghiệp: Loại hình doanh nghiệp

Loại đơn vị: ☐ Doanh nghiệp XNK ☐ Đại lý Hải quan

Thông tin người liên hệ

Tên Người liên hệ: Doanh nghiệp 2 14/255 Điện thoại người liên hệ: 0912345678 10/11

Email: dn2@gmail.com 13/254

CẬP NHẬT

Bước 3: NSD nhập thông tin doanh nghiệp -> Chọn “**CẬP NHẬT**” -> Hệ thống lưu thông tin vào CSDL

II.3.1.2. Quản lý tài khoản khai báo VNACCS

- Chức năng này cho phép tài khoản quản trị tạo tài khoản khai báo thông tin với Hải quan

Bước 1: Sau khi đăng nhập thành công, NSD chọn chức năng **Quản lý tài khoản khai báo VNACCS**, hệ thống hiển thị màn hình:

THÊM MỚI TÀI KHOẢN KHAI BÁO VNACCS

Chỉ cục Hải quan (VNACCS) *	0031 - Phòng Tổng hợp - Phòng 1 - Cục KTSTQ		
Bộ phận xử lý tờ khai nhập	Bộ phận xử lý tờ khai nhập	Bộ phận xử lý tờ khai xuất	Bộ phận xử lý tờ khai xuất

Thông tin tài khoản người sử dụng VNACCS			
Mã người sử dụng (User Code) *	Mã người sử dụng (User Code) Mã người sử dụng bắt buộc	Mật khẩu (Password) *	Mật khẩu (Password) Mật khẩu bắt buộc
Máy số trạm (Terminal ID) *	Máy số trạm (Terminal ID) 0/6	Khóa truy cập (Terminal access key) *	Khóa truy cập (Terminal access key)

Thông tin tài khoản đăng nhập	
Email *	Họ và tên *
Email 0/254	Họ và tên 0/255
Mật khẩu *	Mật khẩu

Bước 2: NSD nhập thông tin tài khoản

- Mã người sử dụng (User Code): User ID đại diện cho từng người khai báo của doanh nghiệp khi sử dụng hệ thống VNACCS.
- Mật khẩu (Password): là mật khẩu DN đăng ký để khai báo tới hệ thống VNACCS
- Máy số trạm (Terminal ID): Là các thông số do hệ thống trả về khi đăng ký để định danh máy trạm và mã kết nối tới hệ thống VNACCS
- Khóa truy cập (Terminal access key): Là các thông số do hệ thống trả về khi đăng ký để định danh máy trạm và mã kết nối tới hệ thống VNACCS
- Mật khẩu: Mật khẩu sẽ dùng để đăng nhập vào phần mềm khai báo

Chọn “**Lưu**” để đăng ký tài khoản khai báo, Hệ thống tạo tài khoản khai báo cho doanh nghiệp. Khi đăng nhập bằng tài khoản khai báo doanh nghiệp sẽ nhập theo quy tắc **[MST].[Mã người sử dụng]** (ví dụ: 8888888888.A1234001)



ĐĂNG NHẬP

	8888888888.E3892160
	
	Nhập mã captcha
ĐĂNG NHẬP	

[Quên mật khẩu?](#)

II.3.1.3. Đăng nhập

Cho phép đăng nhập để sử dụng phần mềm khai báo

NSD nhập thông tin

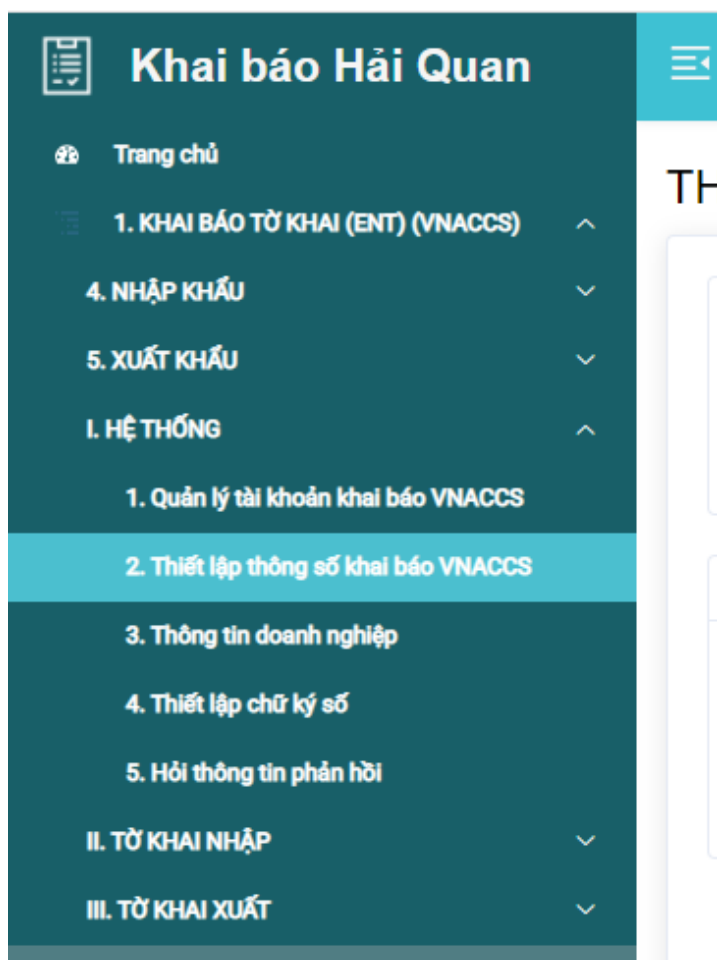
- Tên tài khoản: Tài khoản khai báo được tạo ở mục “Quản lý tài khoản khai báo VNACCS” (theo quy tắc **[MST].[Mã người sử dụng]** (ví dụ: 8888888888.A1234001))
- Mật khẩu: Mật khẩu đăng ký ở mục “Quản lý tài khoản khai báo VNACCS”
- Mã captcha



II.3.1.4. Thiết lập thông số khai báo VNACCS

- Để sử dụng thông tin tài khoản VNACCS vừa đăng ký vào khai báo trên phần mềm CCS4EO_VNACCS

Bước 1: Từ màn hình trong hệ thống, NSD chọn chức năng **I. HỆ THỐNG -> 2. Thiết lập thông số khai báo VNACCS**



Màn hình hiển thị:

THIẾT LẬP THÔNG SỐ KHAI BÁO VNACCS

Chi cục Hải quan (VNACCS) *	003TS - Test 003		
Bộ phận xử lý tờ khai nhập *	Bộ phận xử lý tờ khai nhập	Bộ phận xử lý tờ khai xuất *	Bộ phận xử lý tờ khai xuất

Thông tin tài khoản người sử dụng VNACCS

Mã người sử dụng (User Code) *	Mã người sử dụng (User Code)	Mật khẩu (Password) *	Mật khẩu (Password)
Máy số trạm (Terminal ID) *	Máy số trạm (Terminal ID)	0/6	Khóa truy cập (Terminal access key) *
		Khóa truy cập (Terminal access key)	

Lưu ý: Thông tin người sử dụng sẽ được Hải quan cấp cho Doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp đăng ký thông tin khai báo Hải quan qua hệ thống VNACCS

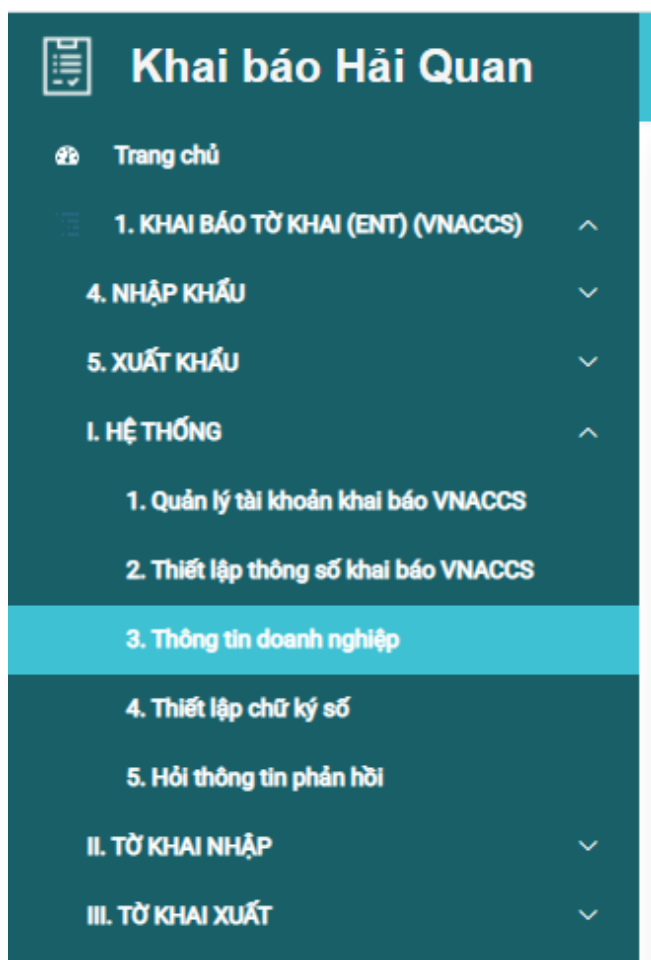
Lưu

Bước 2: NSD nhập thông tin, Nhấn nút “**Lưu**” -> Hệ thống lưu thông tin vào CSDL

II.3.1.5. Thông tin doanh nghiệp

- Chức năng này cho phép Xem và sửa thông tin doanh nghiệp

Bước 1: Từ màn hình trong hệ thống, NSD chọn chức năng **I. HỆ THỐNG** -> **3. Thông tin doanh nghiệp**



Hiện thị màn hình:

Thông tin doanh nghiệp Sửa

CẬP NHẬT THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Mã doanh nghiệp	0106753003	Tên doanh nghiệp	0106753003
Mã bưu chính	Mã bưu chính		
Địa chỉ *	Tài khoản mặc định khi đăng ký doanh nghiệp		
Điện thoại/Fax *	0106753003	Email *	0106753003@gmail.com
Ngày cấp GPKD *	Ngày cấp GPKD	Loại hình doanh nghiệp *	Loại hình doanh nghiệp
Loại đơn vị *	☐ Doanh nghiệp XNK ☐ Đại lý Hải quan		

Thông tin người liên hệ

Tên Người liên hệ *	0106753003	Điện thoại người liên hệ *	0106753003
Email *	0106753003@gmail.com		

Bước 2: Chọn button “Sửa”, Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin doanh nghiệp

Thông tin doanh nghiệp

CẬP NHẬT THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Mã doanh nghiệp: 0106753003 Tên doanh nghiệp: 0106753003

Mã bưu chính: Mã bưu chính 0/7

Địa chỉ: Tài khoản mặc định khi đăng ký doanh nghiệp 43/500

Điện thoại/Fax: 0106753003 10/11 Email: 0106753003@gmail.com 20/254

Ngày cấp GPKD: Ngày cấp GPKD Loại hình doanh nghiệp: Loại hình doanh nghiệp

Loại đơn vị: ☐ Doanh nghiệp XNK ☐ Đại lý Hải quan

Thông tin người liên hệ

Tên Người liên hệ: 0106753003 10/255 Điện thoại người liên hệ: 0106753003 10/11

Email: 0106753003@gmail.com 20/254

CẬP NHẬT

Bước 3: Vào MH button “**Cập nhật**” disable, NSD sửa các thông tin cần thay đổi -> button “**Cập nhật**” enable

Thông tin doanh nghiệp

CẬP NHẬT THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Mã doanh nghiệp: 0106753003 Tên doanh nghiệp: 0106753003

Mã bưu chính: Mã bưu chính 0/7

Địa chỉ: Tài khoản mặc định khi đăng ký doanh nghiệp 43/500

Điện thoại/Fax: 0106753003 10/11 Email: 0106753003@gmail.com 20/254

Ngày cấp GPKD: Ngày cấp GPKD Loại hình doanh nghiệp: Loại hình doanh nghiệp

Loại đơn vị: ☐ Doanh nghiệp XNK ☐ Đại lý Hải quan

Thông tin người liên hệ

Tên Người liên hệ: 5/255 Điện thoại người liên hệ: 0106753003 10/11

Email: 0106753003@gmail.com 20/254

CẬP NHẬT

NSD chọn “**Cập nhật**” -> Hệ thống Update thông tin doanh nghiệp vào CSDL

II.3.1.6. Thiết lập chữ ký số

- Chức năng này cho phép setup lại chữ ký số doanh nghiệp để ký khi gửi

Bước 1: Từ màn hình trong hệ thống, NSD chọn chức năng **I. HỆ THỐNG -> 4. Thiết lập chữ ký số**



Hiện thị màn hình:

Bước 2: NSD kết nối chữ ký số, ví dụ cắm USB Token, NSD chọn “Lấy thông tin chứng thư số” -> Nếu kết nối CKS thành công -> Hiện thị List tên chứng thư số

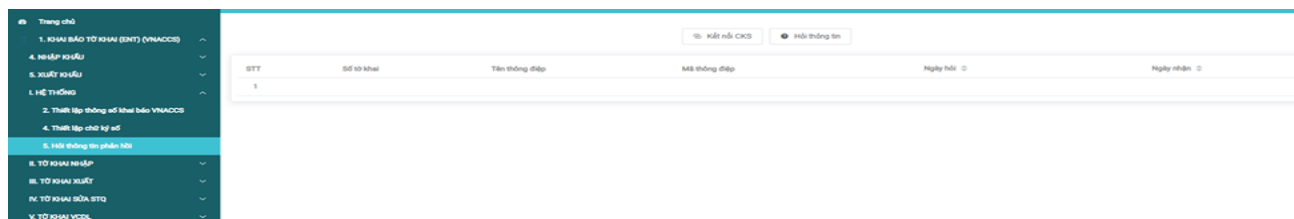
Bước 3: NSD chọn 1 trong list tên chứng thư số -> Hệ thống tự động điền thông tin vào các trường còn lại

Bước 4: NSD chọn “**Lưu**” -> Hệ thống lưu thông tin chữ ký số vào CSDL

II.3.1.7. Hỏi thông tin phản hồi

Chức năng này cho phép người dung hỏi thông tin phản hồi từ HQ

Bước 1: Từ màn hình chính chọn chức năng **I. HỆ THỐNG -> 5. Hỏi thông tin phản hồi**



Bước 2: Nhập điều kiện tìm kiếm “Ngày nhận” và nhấn nút “**Tìm kiếm**”, hệ thống hiển thị danh sách thông tin phản hồi từ HQ thỏa mãn điều kiện tìm kiếm

Bước 3: Nhấn nút “**Kết nối CKS**”, hệ thống thực hiện kết nối CKS của doanh nghiệp

Bước 4: Nhấn nút “**Hỏi thông tin**”

- Nếu chưa kết nối thông tin chữ ký số -> Thông báo: "Phải kết nối thiết bị chữ ký số trước khi hỏi thông tin tờ khai"

- Nếu đã kết nối thông tin chữ ký số -> Hệ thống hiển thị pop up Xác nhận: "Lấy thông tin phản hồi từ Cơ quan Hải quan?"

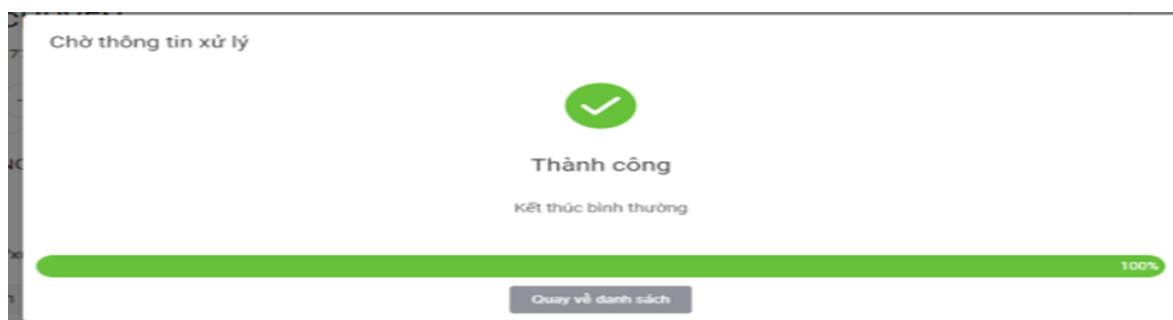
+ Chọn “**Có**”: Hệ thống gửi message yêu cầu phản hồi thông tin sang HQ và Thông báo: Gửi yêu cầu lấy thông tin thành công"

+ Chọn “**Không**”: Đóng popup

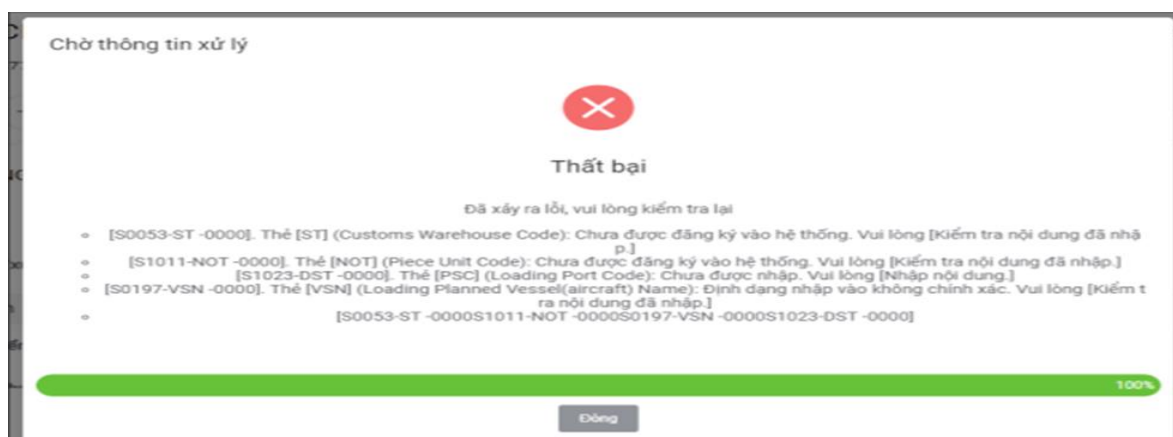
Bước 5: Sau khi hỏi thông tin, hệ thống hiển thị Pop up Chờ thông tin xử lý (progress bar tiến trình % đếm lùi chạy trong 5 phút)



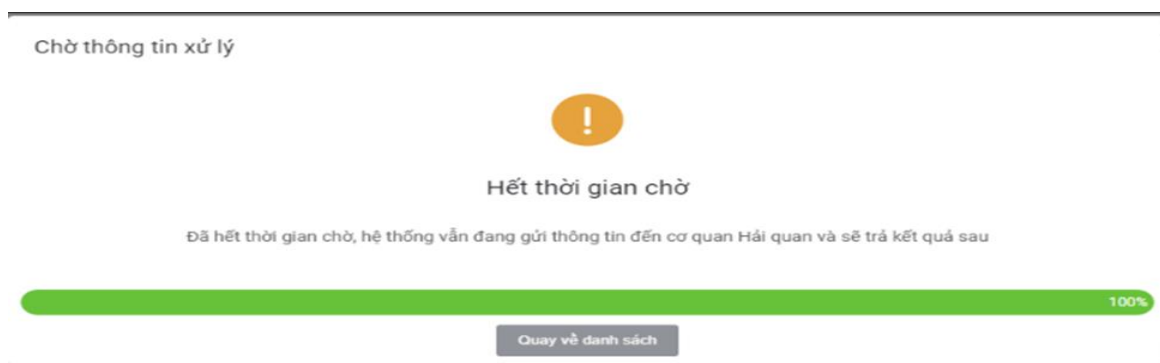
- Nếu thành công, Thông báo: "Kết thúc bình thường"



- Nếu lỗi, Thông báo: "Đã xảy ra lỗi, vui lòng kiểm tra lại và thông tin lỗi (nếu có)"



- Nếu sau 5 phút không có phản hồi, Thông báo: "Đã hết thời gian chờ, hệ thống vẫn đang gửi thông tin đến cơ quan Hải quan và sẽ trả kết quả sau"



II.3.2. Tờ khai nhập

II.3.2.1. Danh sách tờ khai nhập khẩu

Chức năng cho phép người dùng tra cứu, xem chi tiết thông tin tờ khai nhập khẩu đã khai chính thức

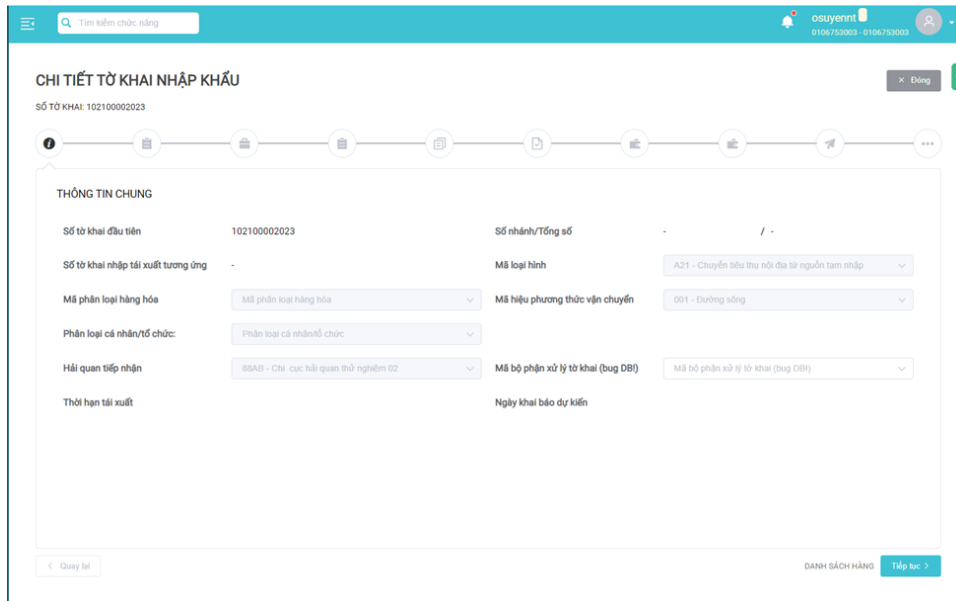
Bước 1: Từ màn hình chính chọn chức năng **II. TỜ KHAI NHẬP** -> **II.01. Danh sách tờ khai nhập khẩu**

Bước 2: Nhập chỉ tiêu tìm kiếm -> nhấn nút “**Tìm kiếm**”, hệ thống hiển thị các bản ghi thỏa mãn điều kiện tìm kiếm

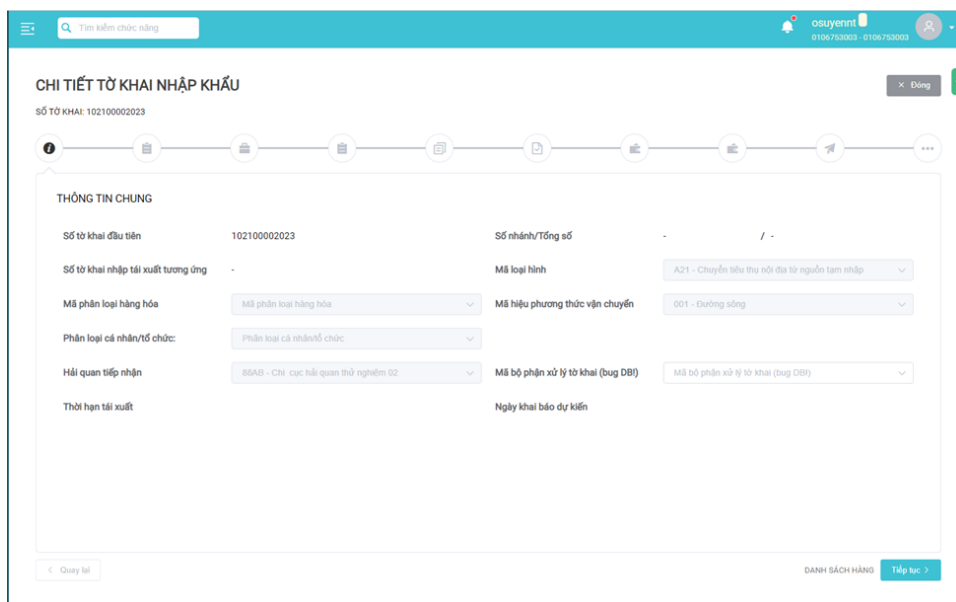
STT	Số tờ khai	Ngày đăng ký	Luồng tờ khai	HQ tiếp nhận	Mã loại hình	Thao tác
1	102100002023	27/11/2021 00:00:00	Đỏ		A21	
2	102100012025	27/11/2021 00:00:00	Xanh		A21	
3	202100006024	27/11/2021 00:00:00	Đỏ		A21	
4	102100012100	27/11/2021 00:00:00	Đỏ		A21	
5	102100012101	27/11/2021 00:00:00	Đỏ		A21	
6	102100012102	27/11/2021 00:00:00	Đỏ		A21	
7	102100012103	27/11/2021 00:00:00	Đỏ		A21	
8	102100012104	27/11/2021 00:00:00	Vàng		A21	
9	102100012105	27/11/2021 00:00:00	Vàng		A21	
10	102100012106	27/11/2021 00:00:00	Vàng		A21	

Bước 3: Nhấn nút “**Xóa tìm kiếm**”, hệ thống chuyển điều kiện tìm kiếm về giá trị mặc định ban đầu và xóa kết quả tìm kiếm ở bảng grid (nếu có)

Bước 4: Nhấn nút “**Xem chi tiết**”, hệ thống hiển thị màn hình chi tiết tờ khai nhập khẩu:



- Nhấn các tab: hệ thống chuyển sang các tab người dùng chọn
- Nhấn **“Tiếp tục”**: hệ thống di chuyển sang tab tiếp theo
- Nhấn **“Quay lại”**: hệ thống quay lại tab trước đó
- Nhấn **“Đóng”**: hệ thống quay lại màn hình tìm kiếm
- Tờ khai nhập khẩu bao gồm các tab:
 - o Tab Thông tin chung



- o Tab Danh sách hàng

CHI TIẾT TỜ KHAI NHẬP KHẨU

SỐ TỜ KHAI: 102100012109

VĂN ĐƠN

Số lượng	Tổng trọng lượng hàng(Gross)
Ký hiệu và số hiệu bao bì	
Mã phương tiện vận chuyển	Tên phương tiện vận chuyển
Ngày hàng đến	Địa điểm lưu kho chờ thông quan null - null
Địa điểm dỡ hàng null - null	Địa điểm xếp hàng null - null
Số lượng container	Mã kết quả kiểm tra nội dung Mã kết quả kiểm tra nội dung

[Quay lại](#) [ĐƠN VỊ XUẤT NHẬP KHẨU](#) [HỢP ĐỒNG VÀ GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU](#) [Tiếp tục](#)

o Tab Hợp đồng và giấy phép nhập khẩu

CHI TIẾT TỜ KHAI NHẬP KHẨU

SỐ TỜ KHAI: 102100012109

HỢP ĐỒNG VÀ GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU

Mã văn bản pháp quy khác

Giấy phép nhập khẩu

STT	Phân loại giấy phép nhập khẩu	Số giấy phép nhập khẩu
Không có dữ liệu		

Phân loại hình thức hóa đơn D - Hóa đơn điện tử

Số hóa đơn

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành hóa đơn

Phương thức thanh toán

Mã phân loại giá hóa đơn D - Các trường hợp khác

Mã điều kiện giá hóa đơn

Tổng giá trị hóa đơn

[Quay lại](#) [VĂN ĐƠN](#) [TỜ KHAI TRỊ GIÁ](#) [Tiếp tục](#)

o Tab Tờ khai trị giá

CHI TIẾT TỜ KHAI NHẬP KHẨU

SỐ TỜ KHAI: 102100012109

TỜ KHAI TRỊ GIÁ

Mã phân loại khai trị giá

Số tiếp nhận tờ khai trị giá tổng hợp

Giá cơ sở để hiệu chỉnh trị giá

Mã phân loại phí vận chuyển

Phí vận chuyển

Mã phân loại bảo hiểm

Phí bảo hiểm

Số đăng ký bảo hiểm tổng hợp

Khoản điều chỉnh

STT	Mã tên khoản điều chỉnh	Mã phân loại	Mã tiền tệ	Trị giá khoản điều chỉnh	Tổng hệ số phân bổ trị giá
Không có dữ liệu					

Chi tiết khai trị giá

[Quay lại](#) [HỢP ĐỒNG VÀ GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU](#) [THUẾ VÀ BẢO LƯU](#) [Tiếp tục](#)